

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2025/DS-ST**
Ngày 22 – 12 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
và cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hồng.
- Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay và cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1998. Địa chỉ liên hệ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Mai Ngọc A**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 01-4-2025, bà Nguyễn Thị X có nhận cầm cố 01 chiếc xe hiệu Honda SH Mode mang biển số 83-EA 04001 của bà Mai Ngọc A với số tiền là 35.000.000 đồng, thời hạn cầm xe là 02 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng. Việc cầm cố này có làm Giấy cầm đồ ngày 01-4-2025, có chữ ký của các bên và bà A có chụp hình lại giấy tờ xe gửi cho bà X.

Sau khi cầm xe thì bà A đã nhận đủ số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 01-4-2025 và bà X cũng đã nhận xe. Tuy nhiên, sau khi cầm xe được 02 ngày thì bà A có mượn chiếc xe đã cầm để sử dụng cho đến nay vẫn không giao lại cho bà X, mà cũng không trả tiền gốc và lãi cho bà X như thỏa thuận.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng cầm xe ngày 01-4-2025 giữa bà Nguyễn Thị X và bà Mai Ngọc A là vô hiệu, buộc bà Mai Ngọc A trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 35.000.000 đồng.

- Buộc bà Mai Ngọc A trả cho bà Nguyễn Thị X tiền lãi từ ngày 02-4-2024 đến ngày khởi kiện là 30-9-2025 dương lịch với mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính là 3.447.267 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Ý kiến của bị đơn bà Mai Ngọc A:

Trước đây, vào thời gian nào bà không nhớ, bà có hỏi tiền bạc góp của bà Nguyễn Thị X rất nhiều lần và trả góp nhiều lần cho đến khi số tiền còn thiếu chưa trả là 30.000.000 đồng với 50 ngày góp thì hai bên thỏa thuận làm hợp đồng bà A cầm xe cho bà X. Vì quá kẹt tiền nên bà A đồng ý. Vào ngày 01-4-2025, bà Mai Ngọc A và bà Nguyễn Thị X thỏa thuận và ký giấy cầm xe với số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn cầm là 02 tháng, bà A phải trả tiền cho bà X để chuộc lại xe. Nhưng thực tế thì bà X chỉ giữ giấy tờ xe còn chiếc xe thì bà A vẫn đang sử dụng. Do không có khả năng nên bà A không có tiền trả cho bà X và kéo dài cho đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, bà ý kiến như sau:

- Chấp nhận tuyên bố hợp đồng cầm xe ngày 01-4-2025 là vô hiệu và trả cho bà Nguyễn Thị X 35.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về phần tiền lãi của số tiền còn thiếu thì bà xin không trả vì gia đình quá khó khăn, trả gốc còn không nổi nên xin không phải trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ, yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu hợp đồng cầm cố tài sản, buộc bị đơn trả lại số tiền đã nhận từ việc cầm cố tài sản, thực chất gồm nghĩa vụ trả tiền trong giao dịch vay được bảo đảm bằng biện pháp cầm cố tài sản. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay và cầm cố tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận sự việc vào ngày 01-

4-2025, giữa bà Nguyễn Thị X và bà Mai Ngọc A có xác lập giao dịch cầm cố tài sản. Cụ thể, bà Mai Ngọc A cầm cố cho bà Nguyễn Thị X 01 chiếc xe máy hiệu SH loại SH MODE, màu sơn xám, đen mang biển số 83EA-040.01 với số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng. Nay bị đơn bà Mai Ngọc A đồng ý trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền 35.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trên cơ sở trình bày và thừa nhận giữa hai bên, HĐXX có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch cầm cố tài sản, có lập giấy cầm đồ ngày 01-4-2025, nội dung thỏa thuận như các bên đã thừa nhận nêu trên. Tuy nhiên, dịch vụ cầm đồ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự nhưng khi xác lập giao dịch, bên nhận cầm đồ là bà Nguyễn Thị X không có đăng ký loại hình kinh doanh này, không đảm bảo điều kiện được phép giao dịch nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều nhận thức được giao dịch có vi phạm điều kiện có hiệu lực và đồng ý giải quyết giao dịch ngày 01-4-2025 là vô hiệu, xử lý hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do bên nhận cầm cố là bà Nguyễn Thị X chưa nhận tài sản gì từ bên cầm cố nên không đặt ra trách nhiệm hoàn trả. Về nghĩa vụ trả tiền vay, bà Mai Ngọc A đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền vốn gốc là 35.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận. Về mức lãi suất, theo giấy cầm đồ ngày 01-4-2025 có thỏa thuận nghĩa vụ trả lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể nên mức lãi suất được xác định bằng 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 1,66%/tháng (tương ứng 20%/năm) là không có cơ sở pháp lý nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bà Mai Ngọc A đồng ý trả số tiền nợ gốc nêu trên cho bà Nguyễn Thị X nhưng không đồng ý trả lãi. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch vay tiền giữa hai bên có thỏa thuận trả lãi, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, bên vay còn phải có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc nên ý kiến của bà A về việc không trả lãi là không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do đó, tiền lãi bên vay phải trả tính từ ngày 02-4-2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là $35.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 2.517.667 \text{ đồng}$. Ngoài ra, bị đơn bà Mai Ngọc A có ý kiến trình bày vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình đang khó khăn nên yêu cầu Tòa án giải quyết trả nợ dần cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả dần từng tháng do bị đơn đề nghị nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận, các bên có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận nội dung này tại giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X là có cơ sở để chấp nhận một phần, về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương

ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 131, Điều 309, Điều 310, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng cầm cố tài sản xác lập theo “Giấy cầm đồ” ngày 01-4-2025 giữa bà Nguyễn Thị X và bà Mai Ngọc A.

Buộc bị đơn bà Mai Ngọc A trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền 37.517.667 đồng (trong đó vốn gốc 35.000.000 đồng, lãi 2.517.667 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Mai Ngọc A trả khoản tiền lãi 2.517.667 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 961.000 đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí còn lại 661.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006406 ngày 20-10-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn bà Mai Ngọc A phải chịu số tiền án phí 1.875.883 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm